

UBND TỈNH AN GIANG  
**SỞ XÂY DỰNG**

Số: 2949/SXD-GĐXD  
V/v đề nghị thẩm định Quyết định  
ban hành Quy định về cao trình  
thiết kế cho các công trình xây  
dựng trên địa bàn tỉnh An Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Xuyên, ngày 10 tháng 9 năm 2020

Kính gửi: Sở Tư pháp An Giang

Căn cứ Công văn số 3325/VPUBND-KTTH ngày 13/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng Quyết định quy định về cao trình thiết kế cho các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Sở Xây dựng đã tiến hành xây dựng dự thảo Quyết định về việc ban hành Quy định về cao trình thiết kế cho các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang và tiến hành lấy ý kiến góp ý các Sở, Ban, Ngành và UBND các huyện, thị xã thành phố trên địa bàn tỉnh.

Sau khi tổng hợp và điều chỉnh bổ sung một số ý kiến đóng góp của các Sở, Ban, Ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố. Đến nay, Sở Xây dựng đã hoàn chỉnh bản dự thảo Quyết định về việc ban hành Quy định về cao trình thiết kế cho các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Để có cơ sở trình UBND tỉnh ký ban hành theo đúng quy định, Sở Xây dựng đề nghị Sở Tư pháp xem xét, có ý kiến thẩm định bản dự thảo Quyết định về việc ban hành Quy định về cao trình thiết kế cho các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang (*đính kèm các văn bản: Tờ trình của Sở Xây dựng về việc ban hành quy định về cao trình thiết kế cho các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang, bản dự thảo Quyết định ban hành quy định nêu trên, bảng tổng hợp và phúc đáp các nội dung góp ý, các văn bản đóng góp ý kiến của 14 đơn vị*).

Trân trọng kính chào!

**\* Nơi nhận:**

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- CVP Sở;
- Lưu: VT, GĐXD, Trung(2).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Thanh Vũ**

## **BẢNG TỔNG HỢP VÀ PHÚC ĐÁP CÁC NỘI DUNG GÓP Ý**

(Đính kèm Văn bản số        /SXD-GĐXD ngày        của Sở Xây dựng  
về việc đề nghị thẩm định Quyết định ban hành Quy định về cao trình thiết kế  
cho các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang)

Ngày 20 tháng 7 năm 2012, Sở Xây dựng đã gửi bản Dự thảo Quyết định Ban hành Quy định về cao trình thiết kế cho các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang để lấy ý kiến góp ý của các Sở, Ban, Ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Đến nay đã nhận được các văn bản góp ý của 14/17 đơn vị, trong đó có 11/14 đơn vị có ý kiến thống nhất với nội dung bản dự thảo và 03 đơn vị có ý kiến góp ý đề nghị điều chỉnh, bổ sung cho hoàn chỉnh nội dung bản dự thảo.

Sau khi nghiên cứu, xem xét nội dung góp ý của các đơn vị, Sở Xây dựng có ý kiến tổng hợp như sau:

### **I. Đối với ý kiến đóng góp của 03 đơn vị:**

#### **1. Ý kiến góp ý của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang:**

- Đề nghị bổ sung thêm căn cứ pháp lý là **Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương** (Luật số 47/2019/QH14 của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/7/2020).

- Ý kiến của Sở Xây dựng: Tiếp thu và bổ sung theo ý kiến góp ý của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang.

#### **2. Ý kiến góp ý của Sở Công thương An Giang:**

- Đề nghị xem xét các căn cứ: “*Căn cứ Bản đồ MNL<sub>max</sub> (2000-2011) trên địa bàn tỉnh An Giang đã được công bố; và Căn cứ Báo cáo kết quả khảo sát đo và xây dựng bản đồ mực nước lũ năm 2018 tỉnh An Giang do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện;*” nên đưa vào nội dung Tờ trình ban hành Quyết định vì đây là tài liệu liên quan, không phải là căn cứ pháp lý.

- Ý kiến của Sở Xây dựng: Tiếp thu và chuyển nội dung căn cứ này vào nội dung tờ trình ban hành Quyết định theo ý kiến góp ý của Sở Công thương An Giang.

#### **3. Ý kiến góp ý của Sở Giao thông Vận tải An Giang:**

##### **- Điều chỉnh, bổ sung Điều 3. Giải thích từ ngữ như sau:**

**“3.1. MNL<sub>max</sub>(2000,2011): Trị số lớn nhất của cao trình mực nước lũ cao nhất của khu vực công trình theo hệ cao độ Quốc gia (hệ Hòn Dấu) đo được của năm 2000, năm 2011:**

**3.2. MNL<sub>max</sub>: Mực nước lũ lớn nhất theo tần suất tính toán quy định trong Quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình.**

**3.3. CTTKvai đường:** Là cao trình thiết kế tại vị trí mép ngoài cùng của lề đường hay là vị trí giao giữa lề đường và mái ta luy.

**3.4. CTTKmép đường (là mép mặt đường):** Là cao trình thiết kế tại vị trí tiếp giáp giữa phần mặt đường hoàn thiện và gờ bó vỉa hoặc là nơi tiếp giáp giữa mặt đường hoàn thiện và lề đường chỗ không có gờ bó vỉa.

**3.5. Đê bao kiên cố:** là đê hoặc đê kết hợp với đường giao thông có kết cấu kiên cố, ổn định lâu dài, có cao trình đảm bảo vượt lũ cao nhất của các năm 2000, năm 2011.

**3.6. Đê bao tạm thời:** là đê hoặc đê kết hợp với đường giao thông có cao trình không đảm bảo vượt lũ cao nhất của các năm 2020, năm 2011.

**3.7. Vùng đê bao kiên cố:** là diện tích nằm trong một hoặc nhiều đê bao kiên cố nối liền nhau khép kín lại không chịu ảnh hưởng của nước lũ.

**3.8. Vùng đê bao tạm thời:** là diện tích nằm trong một hoặc nhiều đê bao tạm thời nối liền nhau khép kín lại nằm ngoài vùng đê bao kiên cố.

**3.9. SLMB:** San lấp mặt bằng.

**3.10. CTTK:** Cao trình thiết kế

**3.11. H:** Chiều cao vượt lũ – Căn cứ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng chuyên ngành để xác định.

**3.12. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:** Bao gồm hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, xử lý các chất thải và các công trình khác.”

**- Điều chỉnh, bổ sung Điều 4. Các nguyên tắc chung như sau:**

“Việc xác định cao trình thiết kế các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang phải tuân thủ các nguyên tắc chung sau đây:

**4.1. Đối với công trình nằm ngoài Vùng đê bao kiên cố:**

-  $CTTK = MNL_{\max} + H$

- Tần suất thiết kế và chiều cao vượt lũ: Tham khảo tại Điều 2.16.11 của QCVN: 01/2019/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng; Điều 6.3.4 TCVN 4454:2012 "Quy hoạch xây dựng nông thôn – Tiêu chuẩn thiết kế"; TCXDVN 104 : 2007 "Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế "; TCVN 4054 : 2005 "Đường Ô tô - Yêu cầu thiết kế"; TCVN 10380:2014 (Đường giao thông nông thôn- Yêu cầu thiết kế ) ; Qui chuẩn QCVN 04-05:2012/BNNPTNT (Công trình thủy lợi - Các qui định chủ yếu về thiết kế) ; TCVN 9902:2016 (Công trình thủy lợi –Yêu cầu thiết kế đê sông); Điều 4.5.3 của TCVN 7957 : 2008 "Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế"; mục 2.II của Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định 78/2004/QĐ-TTg của Bộ Xây dựng...

- Trong dự án có nhiều loại, cấp công trình, cần chọn cao trình thiết kế cơ sở cho dự án là **CTTKmép đường**. Đối với cao trình của các hạng mục công trình khác, cần tham khảo vào cao trình thiết kế cơ sở của dự án để lựa chọn phù hợp cho toàn dự án.

4.2. Cao độ  $MNL_{max}(2000-2011)$  tương ứng tần suất lũ 2% - 3% được sử dụng để tính toán cao độ thiết kế cho đê bao kiên cố hoặc đường giao thông kết hợp đê bao kiên cố khi  $MNL_{max} < MNL_{max}(2000-2011)$ .

4.3. Đối với công trình giao thông không có chức năng kết hợp đê bao kiên cố; Tần suất tính toán thủy văn theo qui định tại TCVN 4054:2005 (Đường ô tô – Tiêu chuẩn thiết kế), **TCXDVN 104 : 2007 "Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế"** và TCVN 10380:2014 (Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế). Việc chọn cao trình thiết kế theo các tần suất lũ phải tuân thủ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam. Tuy nhiên để đảm bảo yêu cầu kinh tế - kỹ thuật phải tuân thủ các quy định trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật như sau:

4.3.1. Đối với công trình giao thông nằm trong khu vực có hệ thống đê bao kiên cố hoặc các tuyến đường giao thông nằm bên trong hoặc đi qua đô thị hiện hữu.

- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn khảo sát - thiết kế cần tổ chức xác định sự phù hợp của cao độ thiết kế đối với cao độ hiện trạng của các công trình tại khu vực lân cận đã xây dựng, để lựa chọn cao độ thiết kế đảm bảo tính đồng bộ; phù hợp với Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

- Cao độ thiết kế của nền đường phải phù hợp với cao độ xây dựng không chế trong qui hoạch xây dựng đã được duyệt. Trong trường hợp chưa có qui hoạch xây dựng, có thể căn cứ vào qui định tại TCVN 4054:2005, đồng thời xét đến các yếu tố: Hiện trạng tự nhiên, các cao độ không chế bởi các công trình ngầm và công trình trên mặt đất tại khu vực lân cận tuyến đường và cần tổ chức lấy ý kiến đồng thuận của người dân chịu ảnh hưởng trực tiếp (trên nguyên tắc đảm bảo sự đồng bộ giữa cốt nền nhà dân với hệ thống giao thông và thoát nước chung).

4.3.2. Đối với các tuyến đường dọc theo sông (kênh): Nên thiết kế cao độ nền đường thay đổi phù hợp độ dốc dọc của  $MNL_{max}$  dọc sông (kênh) theo tần suất lũ thiết kế được qui định tại Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam **được áp dụng cho công trình**.

4.3.3. Trong trường hợp có khó khăn, đặc biệt là trường hợp đường qua vùng có nhiều dân cư và mức nước ngập duy trì liên tục không quá 20 ngày thì việc quyết định tần suất ngập lũ tính toán nên được cân nhắc trên quan điểm kinh tế, kỹ thuật và cả trên quan điểm tác động môi trường. Khi cần thiết có thể đề xuất việc hạ thấp cao độ thiết kế của nền đường. Trong trường hợp như vậy, tư vấn thiết kế có trách nhiệm đề xuất và kiểm tra sự ổn định lâu dài của công trình và việc quyết định là thuộc thẩm quyền của người quyết định đầu tư.

4.4. Số liệu về cao trình đỉnh lũ năm 2000 – 2011 và bản đồ  $MNL_{max}(2000-2011)$  trên địa bàn tỉnh An Giang đã được công bố, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của

Sở Xây dựng và đã được chuyển giao cho phòng Quản lý Đô thị, phòng Kinh tế - Hạ tầng của các huyện, thị xã, thành phố quản lý.

4.5.  $MNL_{max}$  (2000, 2011) tương ứng với mực nước lũ có tần suất 2% - 3%. Trường hợp, các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi ... cần được thiết kế với **tần suất lũ ngoài (2% -3%)** theo qui định của qui chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam: Trong quá trình thiết kế, tổ chức tư vấn thiết kế có trách nhiệm thu thập (mua) số liệu thủy văn do Đài Khí tượng Thủy văn An Giang cung cấp (chi phí này được thanh toán theo quy định), để xác định mực nước lũ tính toán theo tần suất phù hợp với Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam.

4.6. Việc triển khai mốc cao độ từ hồ sơ thiết kế ra thực địa phải căn cứ và sử dụng trên mạng lưới mốc hệ cao độ Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, không dẫn cao độ từ vị trí đánh dấu vết lũ để phục vụ khảo sát, thiết kế xây dựng công trình. Nghiêm cấm việc sử dụng cao độ giả định.

**- Điều chỉnh, bổ sung Điều 5. Cao trình thiết kế của đường giao thông, đề bao kiên cố như sau:**

5.1. Cao trình hoàn thiện (**CTTKmép đường**) đường tỉnh, quốc lộ, đĩnh đề bao kiên cố:

H được xác định theo khoản 4 điều 3 Quy định này và không được nhỏ hơn 0,5(m).

5.2. Cao trình hoàn thiện (**CTTKmép đường**) đường giao thông nông thôn (viết tắt đường GTNT) H được xác định tùy theo loại đường:

**5.2.1. Đường GTNT kết hợp đề bao kiên cố, đường GTNT nằm ngoài vùng đề bao kiên cố.**

H được xác định theo Khoản 4 Điều 3 Quy định này và không được nhỏ hơn 0,5(m).

**5.2.2. Cao trình hoàn thiện (CTTKmép đường) đường GTNT nằm trong vùng đề bao kiên cố:**

H (được xác định phụ thuộc vào tính toán kinh tế - kỹ thuật của dự án) và phù hợp với nguyên tắc tại điểm a Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

**- Điều chỉnh, bổ sung Điều 6. Cao trình thiết kế hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông và san lấp mặt bằng) của khu dân cư như sau:**

Cao trình thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông và SLMB) của khu dân cư được xác định theo công thức tính toán tại khoản 1 điều 4 Quy định này, trong đó:

**6.1. Tại khu vực nằm ngoài vùng đề bao kiên cố:**

H được xác định theo Khoản 4 Điều 3 Quy định này và không được nhỏ hơn 0,5(m).

## 6.2. Tại khu vực nằm trong vùng đô bao kiên cố:

H (được xác định phụ thuộc vào tính toán kinh tế - kỹ thuật của dự án) và phù hợp với nguyên tắc tại điểm a Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

### **- Điều chỉnh, bổ sung Điều 7. Cao trình thiết kế của các công trình dân dụng, công nghiệp như sau:**

Cao trình thiết kế của các công trình dân dụng (được phân loại theo điểm 2.1.2 và 2.1.3 của Quy chuẩn số QCVN 03:2012/BXD) và công trình công nghiệp (được phân loại theo điểm 2.1.4 của Quy chuẩn số QCVN 03:2012/BXD) quy định như sau:

### 7.1. Tại khu vực nằm ngoài vùng đô bao kiên cố:

H được xác định theo Khoản 4 Điều 3 Quy định này và không được nhỏ hơn 0,5(m).

### 7.2. Tại khu vực nằm trong vùng đô bao kiên cố:

CTTK được tính toán căn cứ vào cao trình thiết kế của công trình giao thông, hạng mục SLMB đã đảm bảo vượt lũ theo Quy định này và các yêu cầu về kinh tế - kỹ thuật của dự án để xác định.

### **- Điều chỉnh, bổ sung Điều 9. Cao trình thiết kế của các công trình xây dựng tại thành phố Long Xuyên như sau:**

#### 9.1. Trong khu vực đô thị hiện hữu:

9.1.1. Công trình (hạng mục công trình) SLMB: CTTK được tính toán xác định theo công thức quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này và  $\geq +3.0(m)$ .

9.1.2. Đường giao thông: Cao trình thiết kế tim đường được xác định trên cơ sở đảm bảo (CTTK<sub>mép đường</sub>) được tính toán xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

- Đối với các tuyến đường có cao trình mặt đường hiện trạng  $\geq +3.0 (m)$  thì giữ nguyên. Khi có đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa thì cơ bản vẫn giữ CTTK<sub>mép đường</sub>  $\geq +3.0 (m)$ .

- Đối với các tuyến đường và các hẻm có cao trình mặt đường hiện trạng thấp hơn +3.0(m) khi có đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa thì nâng cao trình đảm bảo CTTK<sub>mép đường</sub>  $\geq +3.0 (m)$ , nhưng phải phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

#### 9.2. Tại các khu vực đô thị mới và khu có chức năng khác:

9.2.1. Công trình (hạng mục công trình) SLMB: CTTK được tính toán xác định theo công thức quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này và  $\geq +3.1(m)$ .

9.2.2. Đường giao thông: Cao trình thiết kế tim đường được xác định trên cơ sở đảm bảo (CTTK<sub>mép đường</sub>) được tính toán xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này và  $\geq +3.1(m)$ .

9.3. Đối với các công trình xây dựng khác: chọn CTTK theo Khoản 1,4,5,6 Điều 4 của Quy định này để đảm bảo yêu cầu vượt lũ, phù hợp với các bản đồ quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.

**- Điều chỉnh, bổ sung Điều 10. Cao trình thiết kế của các công trình xây dựng tại thành phố Châu Đốc như sau:**

10.1. Trong khu vực đô thị hiện hữu:

10.1.1. Công trình (hạng mục công trình) SLMB xây dựng mới: CTTK được tính toán xác định theo công thức quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này và không nhỏ hơn + 5.0(m).

10.1.2. Đường giao thông: Cao trình thiết kế tim đường được xác định trên cơ sở đảm bảo **CTTK<sub>mép đường</sub>** được tính toán xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

- Đối với các tuyến đường có cao trình mặt đường hiện trạng  $\geq +5.0$  (m) thì giữ nguyên. Khi có đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa thì cơ bản vẫn giữ **CTTK<sub>mép đường</sub>**  $\geq +5.0$  (m).

- Đối với các tuyến đường và các hẻm có cao trình mặt đường hiện trạng từ +3.5 (m) đến +4.9 (m) khi có đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa thì nâng dần **CTTK<sub>mép đường</sub>**  $\geq +5.0$  (m), nhưng phải phù hợp với từng giai đoạn, nguồn vốn đầu tư và quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

10.2. Tại các khu vực đô thị mới và khu có chức năng khác:

10.2.1. Công trình (hạng mục công trình) SLMB: CTTK được tính toán xác định theo công thức quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này và  $\geq + 5.0$ (m).

10.2.2. Đường giao thông: Cao trình thiết kế tim đường được xác định trên cơ sở đảm bảo **CTTK<sub>mép đường</sub>** được tính toán xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này và  $\geq + 5.0$ (m).

10.3. Đối với các công trình xây dựng khác: chọn CTTK theo Khoản 1, 4, 5, 6 Điều 4 của Quy định này để đảm bảo yêu cầu vượt lũ, phù hợp với các bản đồ quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.

**- Điều chỉnh, bổ sung Điều 11. Cao trình thiết kế của các công trình xây dựng tại thị xã Tân Châu như sau:**

11.1. Trong khu vực đô thị hiện hữu:

11.1.1 Công trình (hạng mục công trình) SLMB xây dựng mới: CTTK được tính toán xác định theo công thức quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này và không nhỏ hơn + 5.45(m).

11.1.2. Đường giao thông: Cao trình thiết kế tim đường được xác định trên cơ sở đảm bảo **CTTK<sub>mép đường</sub>** được tính toán xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

- Đối với các tuyến đường có cao trình mặt đường hiện trạng  $\geq +5.45$  (m) thì giữ nguyên. Khi có đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa thì cơ bản vẫn giữ **CTTK<sub>mép đường</sub>**  $\geq +5.45$  (m).

- Đối với các tuyến đường và các hẻm có cao trình mặt đường hiện trạng thấp hơn  $+ 5.45$  (m) khi có đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa thì nâng dần lên **CTTK<sub>mép đường</sub>**  $\geq +5.45$  (m), nhưng phải phù hợp với từng giai đoạn, nguồn vốn đầu tư và quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

11.2. Tại các khu vực đô thị mới và khu có chức năng khác:

11.2.1 Công trình (hạng mục công trình) SLMB: CTTK được tính toán xác định theo công thức quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này và  $\geq + 5.45$  (m).

11.2.2. Đường giao thông: Cao trình thiết kế tìm đường được xác định trên cơ sở đảm bảo **CTTK<sub>mép đường</sub>** được tính toán xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này và  $\geq + 5.45$  (m).

11.3. Đối với các công trình xây dựng khác: chọn CTTK theo Khoản 1, 4, 5, 6 Điều 4 của Quy định này để đảm bảo yêu cầu vượt lũ, phù hợp với các bản đồ quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.

- Ý kiến của Sở Xây dựng: Các nội dung góp ý của Sở Giao thông Vận tải là làm rõ thêm và nêu chính xác các thuật ngữ, khái niệm có liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành và điều chỉnh các cụm từ có liên quan trong các điều khoản của Quy định là hợp lý. Sở Xây dựng xin tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung bản dự thảo theo ý kiến góp ý của Sở Giao thông Vận tải An Giang.

## **II. Các đơn vị khác đều thống nhất các nội theo bản dự thảo.**

Trên đây là bảng tổng hợp và phúc đáp các ý kiến đóng góp dự thảo của các Sở, Ban, Ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Trân trọng kính chào!

**SỞ XÂY DỰNG AN GIANG**